TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30/3/2023
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Văn Sắc**

2. Bà **Võ Thị Ngọc The**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đỉnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/ QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Phương Tr** – sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh B, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

** Bị đơn:* Anh **Đinh Quang Đ** – sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lê Thị Phương Tr trình bày:*** Tôi và anh Đinh Quang Đ chung sống với nhau vào ngày 02 tháng 9 năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có tìm hiểu nhau trước khoảng gần một năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau này thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp nhau về cách sống, anh Đ thường

xuyên có hành vi mang tính chất bạo hành tình dục với tôi, mặc dù tôi không đồng ý nhưng anh Đ vẫn cưỡng ép tôi, ngoài ra anh Đ còn đi làm ăn xa không đủ thời gian chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn của vợ chồng kéo dài không thể hoà giải được và tháng 12/2021 tôi cùng con tôi về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng không sống chung với nhau từ đó cho đến nay.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Đinh Phú H, sinh ngày 14/5/2020, hiện nay cháu H đang sống với tôi.

- Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị Tr yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Quang Đ.

- *Về quan hệ con chung:* chị Tr xin nuôi cháu H, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Đối với bị đơn anh Đinh Quang Đ, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ nên không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Phương Tr, cho ly hôn giữa chị Lê Thị Phương Tr và anh Đinh Quang Đ. Về quan hệ con chung: giao cháu H cho chị Tr nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: buộc chị Tr phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đinh Quang Đ với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh Đ vắng mặt. Xét thấy anh Đ đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét

xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 06/6/2019 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Tr cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị Tr cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp nhau về cách sống, anh Đ còn đi làm ăn xa không đủ thời gian chăm lo cho gia đình, ngoài ra anh Đ thường xuyên có hành vi mang tính chất bạo hành tình dục với chị Tr, mặc dù chị Tr không đồng ý nhưng anh Đ vẫn cưỡng ép, chị Tr đã khuyên anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, vợ chồng không sống chung từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng anh Đ không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Đ và anh Đ cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr. Tại phiên tòa chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*". Xét thấy thực tế giữa chị Tr và anh Đ không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không tôn trọng nhau, không cùng nhau chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày và vợ chồng đã không sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, không ai có ý muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Tr.

[4] Về quan hệ con chung: chị Tr xác nhận chị và anh Đ có 01 người con chung tên Đinh Phú H, sinh ngày 14/5/2020.

Tại phiên tòa chị Tr yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên*

thì phải xem xét nguyện vọng của con" và tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con hoặc cha mẹ có thoả thuận khác phù hợp với lợi ích của con*" . Xét yêu cầu của chị Tr xin được nuôi cháu H là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với đạo đức xã hội vì hiện nay cháu Hưng dưới 36 tháng tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và chị Tr cho rằng chị Tr đủ điều kiện để nuôi cháu H, mặt khác từ khi chị Tr và anh Đ không sống chung với nhau thì cháu H trực tiếp sống với chị Tr và anh Đ cũng không có ý kiến gì về việc chị Tr xin được nuôi cháu H. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được nuôi cháu H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con của chị Tr.

Tiếp tục giao cháu Đinh Phú H, sinh ngày 14/5/2020 cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Tr xác nhận chị và anh Đ không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí HNST: Buộc chị Tr phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 9, 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Phương Tr. Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Phương Tr và anh Đinh Quang Đ.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Đinh Phú H, sinh ngày 14/5/2020 cho chị Lê Thị Phương Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh

Đinh Quang Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Phương Tr phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0002071 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *UBND xã A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái